TOÀ ÁN NHÀÂN DÂN **TỈNHÀ NAM ĐỊNHÀ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnhà phúc**

Bản án số: 36/2021/HS-ST
Ngày: 24 - 3 - 2021

NHÀÂN DANHÀ
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÀÂN DÂN TỈNHÀ NAM ĐỊNHÀ

- ***THnhà phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Kiểm

Các Hội thẩm nhàân dân: Bà Bùi Thị Bích Vân
Ông Vũ Khắc Duẩn

- *Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa*: Ông Đinhà Văn Bình à - Thẩm tra viên Tòa án nhàân dân tỉnhà Nam Địnhà.

- *Đ2 diện Viện kiểm sát nhàân dân tỉnhà Nam Địnhà tham gia phiên toà*: Ông Vũ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhàân dân tỉnhà Nam Địnhà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình à sự sơ thẩm thụ lý số 37/2021/HS-ST ngày 08 tháng 02 năm 2021 theo quyết địnhà đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/TLST-HS ngày 03-3-2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hoàng Thị H; sinhà năm 1980, tại huyện V, tỉnhà Bắc Giang; đăng ký hộ khẩu tH1 trú: thôn R, xã M, huyện V, tỉnhà Bắc Giang; nghề nghiệp: không; trình à độ văn hóa: không; dân tộc: kinhà; giới tính à: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Thái Đ và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); gia đình à có 09 chị em, bị cáo là con thứ B; chồng là Khó Bỏ S (đã chết); bị cáo có 02 con, con lớn sinhà năm 2002, con nhỏ sinhà năm 2004. Tiền án, tiền sự: không. Nhàân thân: ngày 12-7-2018 bị Tòa án nhàân dân tỉnhà Quảng Ninhà xử phạt tù Chung thân về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy" theo quy địnhà tại khoản 4 Điều 194 BLHS năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009.

Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnhà Nam Địnhà.

- *Bị hại:* Chị Hoàng Thị C1 (đã chết).

- *Người Đ2 diện hợp pháp cho chị C1*: Bà Lưu Thị B, sinhà năm 1969; trú quán: Số 30/54, Đ1, pH1 C2, TP Nam Địnhà, tỉnhà Nam Địnhà (bà B vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt nhàu sau:

Phạm Văn Đ2 (sinhà năm 1985, HKTT tại thôn R, xã M, huyện V, tỉnhà Bắc Giang) và Lương Thu H1 (tên gọi khác là Th1, sinhà năm 1990, trú tại thôn Kh, xã Nhà, huyện Ch, tỉnhà Lạng Sơn) quen biết và sinhà sống với nhàau nhàư vợ chồng tại khu Th2, thị trấn Đ3, huyện Ch, tỉnhà Lạng Sơn. Đầu năm 2014, Đ2 và H1 có về quê Đ2 ở xã M, huyện V, tỉnhà Bắc Giang chơi và gặp dì ruột của Đ2 là Hoàng Thị H từ Trung Quốc về. H trao đổi, đặt vấn đề với Đ2 là tìm cho H nhàững người phụ nữ Việt Nam đưa sang Trung Quốc làm gái mại dâm, mỗi trường hợp H sẽ trả cho 2.000 nhàân dân tệ (NDT). Sau đó, Đ2 đã bàn bạc, trao đổi với H1 việc tìm phụ nữ từ Việt Nam đưa sang Trung Quốc cho H để lấy tiền ăn tiêu.

Khoảng tháng 4-2014 Lương Thu H1 quen biết với chị Hoàng Thị C1, H1 đã về nhà C1 ở chợ H2, TP Nam Định chơi. Ngày 07-5-2014 H1 rủ chị C1 lên nhà Đ2 ở khu Th2, Thị trấn Đ3, huyện Ch, tỉnh Lạng Sơn. C1 đồng ý bắt xe khách từ TP Nam Định lên nhà Đ2. Tại nhà Đ2, H1 và Đ2 bàn bạc với nhau lừa bán chị C1 sang Trung Quốc để lấy tiền. Đ2 và H1 nói với chị C1 là sang Trung Quốc bán quần áo cho dì của Đ2 công việc nhàn, lương cao. Đến ngày 13-5-2014 H1 nói dối chị C1 là đi có việc, mai chị C1 đi một mình với Đ2 và hẹn gặp chị C1 ở TP M, tỉnh Quảng Ninh. Đ2 đã liên lạc với Hoàng Thị H báo sẽ đưa người sang, hẹn H sang cửa khẩu M, tỉnh Quảng Ninh đón. Sáng ngày 14-5-2014, Đ2 bắt xe khách đưa chị C1 từ Lạng Sơn lên cửa khẩu M, tỉnh Quảng Ninh để đưa sang Trung Quốc. Khi ra đến cửa khẩu M, Đ2 đưa chị C1 đi thuê nhà nghỉ để chờ H sang đón. H sang M đón, đưa Đ2 và chị C1 đi đò qua sông sang Trung Quốc. Khi sang tới nơi, Đ2 giao chị C1 cho H và nhàận của H số tiền 2.000 NDT tiền công. Chị C1 bị H đưa vào một khách sạn ở L, tỉnh Q, Trung Quốc và bị ép làm gái mại dâm. Khi về đến M, Đ2 gặp H1 nói đã giao chị C1 cho H và được H trả cho 2.000 nhàân dân tệ. Tại cửa khẩu M Đ2, H1 đã đổi 2.000 NDT được 6.000.000 đồng. Trong thời gian chị Hoàng Thị C1 bị ép làm gái mại dâm tại Trung Quốc thì H nói cho chị C1 biết là Đ2 và H1 đã bán chị C1 cho H với số tiền 2.000 NDT. Chị C1 làm gái mại dâm được khoảng một tháng trả hết nợ thì H đã cho người đưa chị C1 đến biên giới Việt Nam để chị C1 tự về. Đến ngày 06-8-2014 chị Hoàng Thị C1 đã đến Công an tỉnh Nam Định trình báo vụ việc trên.

Quá trình điều tra và xét xử vụ án, Phạm Văn Đ2 và Lương Thu H1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội lừa đưa chị Hoàng Thị C1 sang Trung Quốc bán cho Hoàng Thị H như đã nêu ở trên. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 14/2015/HS-

ST ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định đã xử phạt Phạm Văn Đ2, Lương Thu H1 mỗi bị cáo 09 năm tù, áp dụng hình phạt bổ sung và xử lý trách nhiệm dân sự đối với các bị cáo.

Đối với bị cáo Hoàng Thị H không có mặt tại địa phương, Cơ quan CSĐT đã ra Quyết định truy nã 02/PC45 ngày 09-01-2015, Quyết định tách vụ án hình sự, Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, Quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Hoàng Thị H. Ngày 27-10-2020, Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định xác định đối tượng truy nã Hoàng Thị H đang là phạm nhân chấp hành án phạt tù tại Trại giam Xuân Nguyên - Bộ Công an theo quyết định Bản án số 73/2018/HS-ST ngày 12-7-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xử phạt Hoàng Thị H tù Chung thân về tội "Vận chuyển trái phép chất ma túy". Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Nam Định ra Quyết định phục hồi điều tra vụ án hình sự đối với bị cáo, Quyết định phục hồi điều tra bị can, Quyết định đình nã đối với Hoàng Thị H và làm thủ tục trích xuất bị cáo Hoàng Thị H về Trại tạm giam Công an tỉnhà Nam Định để phục vụ điều tra.

Cáo trạng số 42/CT-VKS-P2 ngày 04-02-2021 của Viện kiểm sát nhàân dân tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Hoàng Thị H về tội “Mua bán người” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Bị cáo Hoàng Thị H không nhàận tội nhưng khai nhận cuối năm 2014 có gặp Đ2 và bạn gái của Đ2 tại M, sau đó Đ2 đưa bạn gái đi đò sang Trung Quốc. Tại bến xe ở Đông Hưng và một quán ăn ở tại Đ4, Trung Quốc, bị cáo tiếp tục gặp Đ2 và bạn gái của Đ2, bị cáo có đưa cho Đ2 2.000 nhân dân tệ để cho chị gái vay.

Lời nói sau cùng của bị cáo: đề nghị tòa xét hoàn cảnh gia đình, miễn hìnhà phạt bổ sung cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định luận tội đã giữ nguyên tội danh, điều luật áp dụng trong cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã đề nghị HĐXX: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Thị H từ 8 đến 9 năm tù. Phạt bị cáo từ 10 đến 15 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước. Về trách nhiệm dân sự đã được xem xét giải quyết tại bản án số 14/2015/HS-ST ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định, vì vậy không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dụng vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ của vụ án

đã được tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy địnhà của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Vào tháng 5-2014 Phạm Văn Đ2 và Lương Thu H1 đã có hành vi lừa đưa chị Hoàng Thị C1 sang Trung Quốc bán cho Hoàng Thị H để làm gái mại dâm. Mặc dù, tại Cơ quan điều tra, bị cáo Hoàng Thị H không thừa nhận hành vi phạm tội của mình, tuy nhiên căn cứ lời khai của người bị hại Hoàng Thị C1, lời khai của các đối tượng Phạm Văn Đ2, Lương Thu H1; kết quả đối chất giữa Phạm Văn Đ2, Lương Thu H1 với Hoàng Thị H và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có đủ cơ sở để khẳng địnhà hành vi của bị cáo H đã có đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán người", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 (viết tắt BLHS năm 2015) như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo H là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của người phụ nữ, là một trong những khách thể được Bộ luật Hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo vệ. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự cũng như khả năng nhận thức về những điều cấm của pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội vì vậy cần phải xử phạt nghiêm minhà đối với bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án là rất nghiêm trọng nó thể hiện ở việc bị cáo đưa phụ nữ ra nước ngoài, trong thời gian ở nước ngoài người phụ nữ là bị hại trong vụ án bị ép buộc làm gái bán dâm, đây là tình tiết định khung hình phạt nặng hơn được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 BLHS năm 2015.

[4] Do hành vi phạm tội của bị cáo H được thực hiện trước ngày 01 tháng 01 năm 2018, lẽ ra phải áp dụng các điểm a, đ khoản 2 Điều 119 BLHS năm 1999 để xét xử đối với bị cáo tuy nhiên theo quy định của BLHS năm 2015 thì hành vi phạm tội Mua bán người của bị cáo được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 BLHS năm 2015 có mức hình phạt cao nhất là 15 năm tù, nhẹ hơn mức hình phạt cao nhất là 20 năm tù theo quy định tại khoản 2 Điều 119 BLHS năm 1999. Do vậy theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo được quy định tại khoản 3 Điều 7 BLHS năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 hướng dẫn thi hành Bộ luật Hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150

BLHS năm 2015, khoản 3 Điều 119 BLHS năm 1999 để lượng hình và áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Hoàng Thị H không thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Vì vậy bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Căn cứ tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy cần áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150 BLHS năm 2015 để xử phạt đối với bị cáo. Áp dụng Điều 56 BLHS năm 2015, tổng hợp với hình phạt tù chung thân của Bản án số 73/2018/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án và phải cách ly không xác định thời hạn đối với bị cáo ra khỏi xã hội để cải tạo giáo dục bị cáo và làm gương cho kẻ khác.

[8] Về hìnhà phạt bổ sung: Xét thấy trong vụ án này bị cáo Hoàng Thị H thực hiện hành vi phạm tội với động cơ mục đích là để thu lợi bất chính, vì vậy cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về trách nhiệm dân sự: đã được xem xét giải quyết tại Bản án số 14/2015/HSST ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Tòa án nhân dân tỉnhà Nam Định. Vì vậy không đề cập giải quyết.

[10] Về án phí hình sự: Bị cáo Hoàng Thị H phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNHÀ:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 150; Điều 56 BLHS năm 2015; khoản 3 Điều 119 BLHS 1999; Điều 136 BLTTHS; Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Thị H phạm tội "Mua bán người".

2. Xử phạt bị cáo Hoàng Thị H 09 (chín) năm tù. Phạt bị cáo Hoàng Thị H 5.000.000đ (năm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Tổng hợp với hình phạt tù chung thân của Bản án số 73/2018/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh. Buộc bị cáo Hoàng

Thị H phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là tù chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 14 tháng 12 năm 2014.

3. Về án phí: Bị cáo Hoàng Thị H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo có mặt có kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đại diện hợp pháp bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhậận:
- Bị cáo;
- Đại diện hợp pháp của bị hại;
- TAND và VKSND tối cao;
- VKSND và CA tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định;
- Trại giam Xuân Nguyên - Bộ Công an;
- Lưu Tòa HS, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Kiểm